TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00459

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : KTSX giống và nuôi giáp xác (206206) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 12/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09141043	LƯƠNG THỊ HOÀNG	ANH	DH09NY	1		2,0	2	0
2	09336021	PHẠM VĂN	CHÂM	CD09CS	1		4,0	4	0
3	09336027	LẠI XUÂN	CƯỜNG	CD09CS	1		2,0	2	0
4	09336028	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	CD09CS	1		3,5	3	5
5	09132031	TRẦN PHÚ	DANH	DH09SP	1		3,5	3	5
6	08132010	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	DH08SP	1		7,0	7	0
7	07116026	ĐỒNG QUỐC	DŨNG	DH08NT	1		5,0	5	0
8	08141075	VÕ ĐỨC	DŨNG	DH08NY	1		4,5	4	5
9	08132015	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH08SP	1		6,5	6	5
10	08141079	LÊ THÀNH	ĐĂNG	DH08NY	1		8,7	8	7
11	09141057	TRẦN NGỌC	GIANG	DH09NY	1		8,0	8	0
12	08132021	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH08SP	1		8,5	8	5
13	09141061	ĐOÀN THỊ THU	HIỀN	DH09NY	1		8,0	8	0
14	09141013	VÕ THỊ THU	HIỀN	DH09NY	1		5,4	5	4
15	09116047	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	DH09NT	1		5,5	5	5
16	09116049	PHẠM ĐỨC	HIẾU	DH09NT	1		8,1	8	1
17	08132026	LÊ THỊ CẨM	HÒA	DH08SP	1		6,8	6	8
18	09116057	TỪ CÔNG	HÙNG	DH09NT	1		5,9	5	9

Số bài: 18 ; Số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1&2

Ông Mộc Quý

T.H Thủy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Như Trí

Cán bộ chấm thi 1&2

Ông Mộc Quý

Ngày 12 tháng 7 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00459

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : KTSX giống và nuôi giáp xác (206206) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 12/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09336085	NGUYỄN THỊ	KHOA	CD09CS	2		6,5	6	5
20	09116071	LÊ TẤN	KIỆT	DH09NT	2		8,5	8	5
21	09336093	ĐINH THỊ	LẠC	CD09CS	1		5,4	5	4
22	08132032	LÂM THỊ NGỌC	LAN	DH08SP	2		8,4	8	4
23	09336104	HỒ QUỐC	LONG	CD09CS	1		5,4	5	4
24	09141018	NGUYỄN PHÚC	LỘC	DH09NY	1		6,8	6	8
25	08132037	TRẦN THỊ TUYẾT	MINH	DH08SP	1		5,4	5	4
26	06116081	HÀ QUỐC	NAM	DH08NT	1		3,1	3	1
27	09336127	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	CD09CS	1		5,5	5	5
28	09116113	LÊ PHÚ	PHI	DH09NT	1		5,7	5	7
29	09336141	LÝ THIÊN HOÀNG	PHÚ	CD09CS	1		6,2	6	2
30	09116123	TRẦN NGUYỄN THANH	QUANG	DH09NT	1		6,2	6	2
31	08132051	LÊ THỊ KIM	QUỲNH	DH08SP	1		6,1	6	1
32	09336154	PHẠM MINH	QUỲNH	CD09CS	1		6,5	6	5
33	09116129	BÙI DƯƠNG ĐỨC	SANG	DH09NT	1		9,0	9	0
34	09336160	NGUYỄN HẢI	SƠN	CD09CS	1		4,4	4	4
35	09141130	LÊ ĐỨC	TÂN	DH09NY	1		6,2	6	2
36	09336176	NGUYỄN THÀNH	THÁI	CD09CS	1		6,6	6	6

Số bài: 36; Số tờ: 51

Cán bộ coi thi 1&2

Ông Nhữ Quý

T. H. Chúy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Như Hiền

Cán bộ chấm thi 1&2

Ông Nhữ Quý

Ngày 12 tháng 7 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00459

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : KTSX giống và nuôi giáp xác (206206) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 12/07/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08116164	LÝ ANH	THUẬT	DH08NT	1		8,8	8	8
38	09336195	THỊ	THÚY	CD09CS	1		3,6	3	6
39	09116160	TRẦN VĂN	THƯƠNG	DH09NT	1		6,5	6	5
40	09336204	NGUYỄN TRẦN CÔNG	TÍNH	CD09CS	1		3,0	3	0
41	09141116	NGUYỄN TRUNG	TÍNH	DH09NY	2		8,4	8	4
42	09336215	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	CD09CS	1		3,0	3	0
43	09336223	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	CD09CS	1		7,1	7	1
44	09336230	NGUYỄN MINH	TUẤN	CD09CS	1		4,0	4	0
45	08116188	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH08NT	1		7,5	7	5
46	09336242	LƯU VĂN	VÂN	CD09CS	1		5,9	5	9
47	09141123	NGUYỄN NGỌC THANH	VÂN	DH09NY	1		9,5	9	5

Số bài: 47; Số tờ: 51+3

Cán bộ coi thi 1&2

Ông Một Quý

T.H.Thủy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Nguyễn Như Trí

Cán bộ chấm thi 1&2

Ông Một Quý

Ngày 12 tháng 7 năm 2011